

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2026/KDTM-PT

Ngày: 18 tháng 6 năm 2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hạnh**

Các Thẩm phán : Ông Trần Anh Tuấn
 Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 68/2026/TLPT - KDTM ngày 24/4/2026 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án sơ thẩm số 153/2025/KDTM-ST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2026/QĐ-PT ngày 11/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 427/2026/QĐ-PT ngày 29/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 472/2026/QĐ-PT ngày 09/6/2026 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V2

Địa chỉ trụ sở: Phòng 405, tầng D, số A phố K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Xuân T – Chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú: Căn hộ A khu C, đường D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Hà Minh A (*theo Quyết định ủy quyền số 1905/QĐUQ-BVS ngày 19/5/2026*); Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ

Địa chỉ trụ sở: Lầu C, tòa nhà S, G N, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức V - Chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú: Thôn T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1995 (*nhân viên Công ty TNHH Đ, theo Giấy ủy quyền số 01/2026/QUQ – TBL ngày 12/6/2026*); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - Công ty TNHH V2 trình bày:

1. Quá trình ký kết Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải:

Ngày 09/5/2023, Công ty TNHH V2 (gọi tắt là Bách V1) và Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Trường B) đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23. Theo nội dung Hợp đồng, hai bên thống nhất như sau:

- Trường Bảo L đồng ý thuê Công ty V2 làm dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa.

- Hạn mức công nợ: 300.000.000 đồng, trong trường hợp nếu thấy công nợ phát sinh quá hạn mức này thì Trường Bảo L phải thanh toán trước phần vượt quá cho Bách V1 để ngăn không cho công nợ phát sinh vượt quá hạn mức công nợ xảy ra.

- Đến thời hạn thanh toán Bách Việt sẽ thông báo công nợ cho Trường B, Trường B phải xác nhận, chuyển bản xác nhận công nợ gốc cho Bách V1. Trường hợp không có được xác nhận công nợ đúng hạn từ Trường B thì các chứng từ thanh toán ở khoản 4.5 sẽ được coi như bản xác nhận công nợ gốc mà Trường Bảo L đã thông qua để xác định số tiền truy đòi ban đầu đòi Trường B.

- Thời hạn thanh toán: 30 ngày tính từ ngày Bách V phát hành hóa đơn.

- Nếu việc thanh toán không được Trường B thực hiện vào ngày đến hạn theo khoản 4.3 của Hợp đồng, thì Trường Bảo L phải chịu tiền lãi phát sinh (cả trước và sau bất kỳ phán quyết nào) theo lãi suất phạt chậm trả của Ngân hàng.

2. Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Bách Việt đã cung cấp dịch vụ vận chuyển, làm thủ tục hải quan đối với hai lô hàng mã vận đơn: PGNS23012233 (LE HAVRE, FRANCE - HICT, HAI PHONG) và 000 - 0304 6483 (PARIS CH. DE GAULLE - N). Trong đó: Lô hàng có mã vận đơn PGNS23012233 đã vận chuyển thành công về Cảng H; lô hàng có mã vận đơn 000 - 0304 6483 đã vận chuyển thành công về Cảng hàng không N. Tuy nhiên Trường B vẫn chưa nhận hàng và thanh toán chi phí phát sinh liên quan đến lô hàng.

Hiện nay, những khoản cước, phí dịch vụ, tiền lưu kho bãi, các khoản chi hộ, tạm tính đến ngày 21/5/2024 Trường B chưa thanh toán cho Bách V1 gồm:

** Đối với lô hàng có số bill PGNS23012233:*

- Ngày 17/7/2023, Bách V1 phát hành hóa đơn số 00026361 với số tiền phải thanh toán là 25.063.500 đồng (cước vận tải biển);

- Ngày 17/7/2023, Bách V1 phát hành hóa đơn số 00026362 với số tiền phải thanh toán là 36.184.785 đồng (phí EXW);

- Ngày 01/8/2023, Bách V1 phát hành hóa đơn số 00028553 với số tiền phải thanh toán là 24.359.385 đồng (phí lệnh giao hàng tại cảng + phí xếp dỡ tại cảng);

- Ngày 17/7/2023, Bách V1 đã chi hộ Trường B số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu tiền phí số 2452197 của Cảng vụ Đường thủy nội địa H (phí vệ sinh container).

- Ngày 12/7/2023, Bách V1 đã chi hộ Trường B số tiền 1.652.400 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 156387 (phí rút đóng kiểm hóa).

Tổng số tiền phát sinh cước, phí dịch vụ đối với lô hàng có số bill PGNS23012233 là **87.760.070 đồng**. Khoản tiền lãi chậm trả với lãi suất 9%/năm tính từ ngày 31/8/2023 (sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn) đến ngày 30/6/2024 là 6.664.957 đồng. Khoản lãi này sẽ còn phát sinh cho đến khi Trường B thanh toán hết các khoản nợ đối với lô hàng này.

** Đối với lô hàng có số bill 000 - 0304 6483:*

- Ngày 04/12/2023, B1 phát hành hóa đơn số 00048496 (cước vận tải hàng không) với số tiền phải thanh toán là 82.785.717 đồng;

- Ngày 04/12/2023, B1 phát hành hóa đơn số 00048497 (phí EXW) với số tiền phải thanh toán là 24.562.379 đồng;

- Ngày 04/12/2023, Bách V1 phát hành hóa đơn số 00048498 với số tiền phải thanh toán là 2.759.000 đồng (phí tách bill, phí dịch vụ hải quan, cước vận tải nội địa);

- Ngày 06/12/2023, Bách V1 đã chi hộ Trường B số tiền 5.929.524 đồng (Xử lý hàng hóa, phát hàng lẻ, lưu kho) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00229926.

- Ngày 03/02/2024, Bách V1 đã chi hộ Trường B số tiền 160.091.316 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 25171 và thực hiện kéo lô hàng về kho bãi tại địa chỉ Kho C, KCN Đ, số C N, L, Hà Nội.

- Ngày 28/02/2024, Bách V1 đã chi hộ Trường B số tiền 731.268 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 8157 (phí bốc xếp và quản lý kho).

- Ngày 02/02/2024, Bách V1 đã chi hộ Trường B số tiền 66.045.807 đồng theo giấy nộp thuế và chứng từ nộp tiền tại Ngân hàng V3 (thuế NK, thuế GTGT).

- Ngày 29/3/2024, Bách V1 phát hành hóa đơn số 00012893 với số tiền phải thanh toán là 197.802 đồng (phí bốc xếp và quản lý kho).

- Ngày 26/4/2024, Bách V1 phát hành hóa đơn số 00019775 với số tiền phải thanh toán là 791.208 đồng (phí bốc xếp và quản lý kho).

- Ngày 29/5/2024, Bách V1 phát hành hóa đơn số 00023713 với số tiền phải thanh toán là 791.208 đồng (phí bốc xếp và quản lý kho).

- Ngày 28/6/2024, Bách V1 phát hành hóa đơn số 00029367 với số tiền phải thanh toán là 791.208 đồng (phí bốc xếp và quản lý kho).

- Từ ngày 01/7/2024, Bách V1 đã bán thanh lý lô hàng của Trường B, phát sinh thêm phí xếp dỡ tại kho. Phí quản lý và lưu kho trong 6 tháng từ tháng 7 đến tháng 12/2024 là: 6.624.208 đồng.

Tổng số tiền phát sinh cước, phí dịch vụ đối với lô hàng có số bill 000 - 0304 6483 tính đến ngày 30/6/2024 là **352.100.645 đồng** (cụ thể có bản chi tiết công nợ kèm theo). Khoản tiền lãi chậm trả với lãi suất 9%/năm tính từ ngày 03/02/2024 (ngày Bách V1 thực hiện kéo lô hàng về kho) đến ngày 30/6/2024 là 12.513.684 đồng. Khoản lãi này sẽ còn phát sinh cho đến khi Trường B thanh toán hết các khoản nợ đối với lô hàng này.

Như vậy, tổng cộng nợ và tiền lãi chậm trả của hai lô hàng trên tính đến ngày 30/6/2024 là: **459.039.356 đồng**.

Từ ngày 01/7/2024, Bách V1 đã thực hiện bán thanh lý lô hàng thu được số tiền là 185.310.000 đồng. Như vậy sau khi trừ đi khoản thu từ tiền bán lô hàng, Trường B còn nợ Bách V1 số tiền: 273.729.356 đồng. Tiền lãi chậm trả đối với số tiền 273.729.356 đồng tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/3/2025 theo mức lãi suất 9%/năm là: 17.197.865 đồng.

Như vậy tính đến ngày 31/3/2025 Trường B còn phải thanh toán số tiền bao gồm cả nợ gốc và lãi chậm trả là: 290.927.221 đồng.

Trường B đã vi phạm các điều khoản của Hợp đồng đã ký kết, cụ thể như sau:

- Thứ nhất, Trường B đã vi phạm thời hạn thanh toán đối với 02 lô hàng trên. Căn cứ khoản 4.3.2 Điều IV Hợp đồng, Trường B phải thanh toán cho Bách Việt trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày Bách V1 phát hành hóa đơn. Tuy nhiên, đã quá hạn kể từ ngày Bách V1 phát hành hóa đơn cho các lô hàng này nhưng Bách V1 vẫn chưa được Trường B thanh toán đầy đủ các khoản cước, phí.

Mặc dù, Bách V1 đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu lấy hàng và thanh toán cước, phí nhưng Trường B vẫn không thực hiện thanh toán công nợ.

3. Yêu cầu khởi kiện:

Bách V1 đề nghị Tòa án buộc Trường B phải thanh toán cho Bách V1 tổng số tiền là 290.927.221 đồng (tính đến ngày 31/3/2025). Tiền lãi chậm trả tiếp tục tính từ ngày 01/4/2025 cho đến khi Trường B thanh toán toàn bộ khoản nợ, lãi suất chậm trả sẽ được tính theo mức 9%/năm trên số tiền mà Trường B chậm thanh toán.

Đại diện bị đơn - Công ty TNHH Đ trình bày:

Trường B ký kết Hợp đồng vận chuyển với Bách V1 đối với hai (02) lô hàng sửa công thức nhập khẩu mang nhãn hiệu "FRANCE BEBE BIO 1,2,3", dành cho trẻ từ 0 đến 36 tháng tuổi.

- Lô hàng thứ nhất:

- + Giá vốn: 4.200.000.000 đồng.
- + Tình trạng: Đã giao nhận đầy đủ.
- + Công nợ còn lại: 87.760.070 đồng.
- Lô hàng thứ hai:
- + Giá vốn: 1.008.457.997 đồng.
- + Tình trạng: Chưa được giao.
- + Công nợ tạm tính: 371.279.286 đồng (theo số liệu Bách V1 cung cấp cho Tòa án). Tổng công nợ giữa hai bên được xác định tạm tính là 459.039.356 đồng.

Tuy nhiên, với lý do phía Trường B chậm thanh toán, Công ty V2 đã giữ lại toàn bộ lô hàng thứ hai và tự ý thanh lý số hàng hóa này mà không có bất kỳ thông báo, thỏa thuận hoặc văn bản đồng ý nào từ Trường B. Đáng lưu ý, sản phẩm sữa công thức nói trên được Trường B niêm yết và phân phối ra thị trường với mức giá:

- 730.000 VNĐ/hộp (loại 800g).
- 380.000 VNĐ/hộp (loại 400g).

Trong khi đó, Công ty V2 đã tự ý rao bán số hàng trên với mức giá thấp bất thường:

- Dưới 150.000 VNĐ/hộp 800g.
- Dưới 70.000 VNĐ/hộp 400g.

Hành vi này đã trực tiếp làm tổn hại nghiêm trọng đến giá trị tài sản, doanh thu dự kiến và uy tín thương hiệu của Trường B trên thị trường. Bách V1 đã đơn phương giữ lại và tự ý thanh lý toàn bộ lô hàng sữa công thức thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Trường Bảo L mà không có bất kỳ sự đồng thuận hoặc thỏa thuận bằng văn bản nào với Trường B.

Hành vi này thể hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng như sau:

- Xâm phạm quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp, được pháp luật bảo vệ theo Điều 163 và Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Thanh lý hàng hóa với giá bán thấp bất thường so với giá thị trường, có dấu hiệu vi phạm quy định về bán phá giá theo Luật Giá và Luật Cạnh tranh.
- Kinh doanh hàng hóa có điều kiện (sữa công thức dành cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi) khi không có đủ điều kiện pháp lý theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm và Nghị định 100/2014/NĐ-CP.
- Hành vi tự ý thanh lý hàng nhập khẩu có điều kiện mà không được ủy quyền, không thuộc quyền định đoạt của bên vận chuyển, có dấu hiệu vi phạm Điều 192 Luật Thương mại năm 2005.

Hành vi của Bách V1 đã gây ra tổn thất nặng nề cho Trường Bảo L, cụ thể như sau:

- Mất quyền kiểm soát và định đoạt hợp pháp đối với tài sản là lô hàng sữa nhập khẩu trị giá hơn 01 tỷ đồng.

- Tồn thất trực tiếp về doanh thu và lợi nhuận dự kiến từ việc phân phối sản phẩm ra thị trường.

- Ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín thương hiệu, phá vỡ mối quan hệ với các đại lý, nhà phân phối, gây thiệt hại về cơ hội kinh doanh trong ngắn và dài hạn.

- Chi phí xử lý khủng hoảng, khôi phục quan hệ khách hàng và phí pháp lý phát sinh liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp.

Căn cứ vào các quy định của P, Trường B khẳng định hành vi của Bách V1 là trái pháp luật và đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Trường Bảo L. Cụ thể:

- Điều 163, 164 Bộ luật Dân sự năm 2015: Bảo vệ quyền sở hữu tài sản.

- Điều 192 Luật Thương mại năm 2005: Quy định rõ thẩm quyền và điều kiện xử lý hàng hóa.

- Luật G và Luật Cạnh tranh: Nghiêm cấm hành vi bán phá giá, làm rối loạn thị trường và ảnh hưởng đến doanh nghiệp khác.

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định 100/2014/NĐ-CP: Điều kiện kinh doanh mặt hàng sữa công thức- hàng hóa kinh doanh có điều kiện do Bộ Y quản lý.

- Điều 21 Nghị định 75/2019/NĐ-CP: Quy định xử phạt hành vi bán hàng dưới giá thành sản phẩm.

Ngày 23/6/2025 Trường B có đơn yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết các nội dung sau:

1. Xác định hành vi chiếm giữ và thanh lý hàng hóa của Công ty V2 là trái pháp luật, có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản.

2. Buộc Bách Việt bồi thường thiệt hại vật chất trực tiếp:

- Giá trị lô hàng bị chiếm giữ và thanh lý trái phép trị giá vốn là 797.270.006 đồng.

- Trừ đi số tiền công nợ còn tồn đọng theo bảng đối chiếu công nợ phía Công ty V2 đang yêu cầu: 459.039.356 đồng.

Trường B bồi thường số tiền 338.230.650 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Yêu cầu bị đơn thanh toán trả nguyên đơn những khoản tiền sau:

1- Đối với lô hàng có số bill PGNS23012233:

- Phí dịch vụ là 87.760.070 đồng.

- Lãi chậm trả tính từ ngày 31/8/2023 (sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn)

đến ngày 30/6/2024 là 6.664.957 đồng.

2. Đối với lô hàng có số bill 000 - 0304 6483:

- Phí dịch vụ là 352.100.645 đồng.

- Lãi chậm trả tính từ ngày 03/02/2024 (ngày Bách V1 thực hiện kéo lô hàng về kho) đến ngày 30/6/2024 là 12.486.998 đồng.

3. Từ ngày 01/7/2024 đến ngày 24/12/2024 Bách V1 đã thanh lý xong toàn bộ 1.800 hộp sữa, thu được số tiền 191.310.000 đồng.

4. Số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 24/12/2025 là 33.155.984 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc sau khi trừ đi số tiền bán sữa là: 439.860.715 đồng - 191.310.000 đồng = 248.550.715 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ lãi là 6.664.957 đồng + 12.486.998 đồng + 33.155.984 đồng = 52.307.939 đồng.

Tổng cộng số tiền Trường B còn nợ Bách V1 tính đến ngày 24/12/2025 là 300.858.654 đồng.

5. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Bách Việt không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì các căn cứ sau:

- Căn cứ theo nội dung Công văn số 121/BVS-TBL ngày 24/01/2024 mà Trường B đã ký: “Trong thời hạn 45 ngày kể từ Bách V1 lấy hàng ra khỏi Cảng mà Trường B không tiến hành thanh toán toàn bộ chi phí và lấy hàng thì Trường B để Bách Việt bán phát mại tài sản với giá trị bán do Bách V1 tự ấn định để xử lý, khấu trừ các chi phí phát sinh liên quan đến hai lô hàng trên”. Như vậy Bách V1 có quyền bán phát mại sữa theo giá bán Bách Việt tự ấn định, Trường B không có yêu cầu về giá bán và chấp nhận rủi ro trong trường hợp việc bán phát mại không đủ để cân trừ công nợ thì Trường B vẫn có nghĩa vụ thanh toán các chi phí phát sinh còn lại nếu có.

- Căn cứ khoản Điều 3.3 Hợp đồng nguyên tắc đã ký giữa hai bên có nội dung: Bách Việt không chịu trách nhiệm về việc thực thi không đầy đủ các nghĩa vụ của mình và hoặc được quyền cầm giữ và định đoạt hàng hóa của Trường B nếu Trường B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ và đúng hạn.

- Bách Việt có quyền cầm giữ hàng hóa và truy đòi các khoản nợ đến hạn chưa thanh toán của Trường B. Bách V1 không có trách nhiệm phải giao hàng khi Trường B chưa thanh toán bất kỳ một khoản công nợ nào. Vì vậy Bách V1 chỉ trả hàng sau khi nhận được thanh toán công nợ.

- Trong suốt thời gian lưu kho và trước khi tiến hành bán hàng, Bách V1 đã chủ động đưa ra phương án tạo điều kiện tối đa cho Trường B, theo đó đề nghị Trường B thanh toán trước số tiền 100.000.000 đồng để nhận lại lô hàng và tự tổ chức tiêu thụ. Tuy nhiên, Trường B đã không thực hiện việc thanh toán theo phương án này.

- Trường Bảo L là đơn vị bán độc quyền mặt hàng sữa này, vì vậy chỉ có đại lý của Trường B mới có thể bán được loại sữa này trên thị trường, tuy nhiên trước trong và sau quá trình Bách Việt bán sữa Trường B không thể tìm được bất cứ đại lý nào mua hàng để thanh lý số lượng sữa đang lưu tại kho Bách Việt.

- Bách Việt tiến hành bán hàng từ Đợt 1 ngày 18/7/2024 đến Đợt 10 ngày 24/12/2024. Giá bán được điều chỉnh giảm dần theo thời gian nhằm phù hợp với khả năng tiêu thụ thực tế của thị trường. Theo hóa đơn nhập khẩu do chính Trường Bảo L cung cấp, giá gốc của lô hàng được xác định bằng đồng Euro, cụ thể: FRANCE BEBE 1BIO loại 400g: 6,41 EUR/hộp; FRANCE BEBE 1BIO và FRANCE BEBE 3BIO loại 800g: 11,50 EUR/hộp.

Áp dụng tỷ giá EUR năm 2024 là 28.000 VNĐ/EUR, giá gốc quy đổi tương ứng khoảng: 179.480 VNĐ/hộp đối với loại 400g; 322.000 VNĐ/hộp đối với loại 800g.

Trong khi hạn sử dụng sữa của loại 800g là 01 năm/02 năm (giảm 50% giá trị), loại 400g là 08 tháng/24 tháng (giảm gần 70% giá trị) tại thời điểm bán sữa nếu Bách Việt không nhanh chóng tiêu thụ thì sản phẩm sữa sẽ hết giá trị sử dụng. Giá bán ban đầu của Bách V1 là 240.000 VNĐ/hộp (75% giá nhập) đối với loại 800g và 100.000 VNĐ/hộp (56% giá nhập) đối với loại 400g không hề thấp so với tỉ lệ suy giảm giá trị sử dụng của sản phẩm.

- Trường Bảo L là đơn vị chịu trách nhiệm với Hải quan và cơ quan nhà nước liên quan đến việc nhập khẩu lô hàng sữa này về Việt Nam tiêu thụ. Vì vậy khi Trường B đồng ý cho Bách Việt bán phát mại sản phẩm sữa này để cân trừ công nợ đồng nghĩa với việc Trường B phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm khi Bách V1 thực hiện bán phát mại hàng hóa.

* *Đại diện bị đơn trình bày:* Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án buộc Bách Việt bồi thường thiệt hại vật chất đối với hành vi chiếm giữ và thanh lý hàng hóa trái pháp luật cho Trường B, cụ thể:

- Giá vốn lô hàng bị chiếm giữ và thanh lý trái phép là 797.270.006 đồng.

- Trừ đi số tiền công nợ gốc còn tồn đọng theo bảng đối chiếu công nợ phía Công ty V2 đang yêu cầu là 439.860.715 đồng. Trường B không đồng ý với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả của Công ty V2 do không có quy định trong Hợp đồng.

- Trường Bảo L yêu cầu Bách V1 bồi thường số tiền 797.270.006 đồng - 439.860.715 đồng = 357.409.291 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 153/2025/KDTM-ST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V2 đối với Công ty TNHH Đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH V2 bồi thường thiệt hại số tiền 357.409.291 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty TNHH V2 các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc: 248.550.715 đồng.
- Tiền lãi chậm trả: 52.307.939 đồng.

Tổng cộng 300.858.654 (Ba trăm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm:

Ngày 02/01/2026, Công ty TNHH Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 153/2025/KDTM-ST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 02 – Hà Nội, với lý do cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị đơn; nhầm lẫn giữa quyền cầm giữ tài sản và quyền định đoạt tài sản; chưa xem xét việc nguyên đơn vi phạm quy định của pháp luật chuyên ngành về an toàn thực phẩm; việc giải quyết vụ án làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Từ đó, Công ty TNHH Đ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật hoặc sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận việc nguyên đơn bán hàng hóa là hợp pháp và xác định lại nghĩa vụ dân sự của các bên theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- ***Người đại diện hợp pháp*** của bị đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày căn cứ kháng cáo như sau:

Công ty V2 lô hàng với tổng số tiền 185.310.000 đồng là quá thấp so với giá thị trường. Theo tài liệu bị đơn thu thập từ một số trang mạng xã hội và sàn thương mại điện tử như Facebook, TikTok, S, giá bán các sản phẩm sữa cùng loại cao hơn giá nguyên đơn thanh lý, đồng thời cho rằng nguyên đơn chỉ căn cứ vào giá gốc mà chưa tính đầy đủ các khoản thuế, chi phí vận chuyển và các chi phí cấu thành giá bán hàng hóa. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá lại mức giá thanh lý lô hàng, xác định giá trị lô hàng theo giá kê khai tại tờ khai hải quan và giá thị trường do bị đơn cung cấp để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đối với khoản tiền lãi chậm thanh toán, do từ năm 2023 đến nay, bị đơn gặp khó khăn về tài chính, tài sản bị đóng băng nên không có khả năng thanh toán đúng hạn, đề nghị nguyên đơn xem xét miễn toàn bộ tiền lãi chậm trả để tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán khoản nợ gốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày quan điểm đối với kháng cáo của bị đơn như sau:*

Công ty V2 không đồng ý toàn bộ nội dung kháng cáo của Công ty Đ với lý do như sau: Việc nguyên đơn xử lý lô hàng được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23 ngày 09/5/2023

và nội dung cam kết của bị đơn tại Công văn ngày 24/01/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không nhận hàng trong thời gian dài mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần thông báo, yêu cầu thanh toán và tạo điều kiện để bị đơn nhận lại hàng hóa. Việc nguyên đơn xử lý hàng hóa là biện pháp cần thiết nhằm hạn chế thiệt hại phát sinh do lô hàng là sữa trẻ em nhập khẩu, khó tiêu thụ, giá trị phụ thuộc lớn vào thời hạn sử dụng. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguyên đơn có hành vi chiếm giữ, định đoạt trái pháp luật tài sản hoặc vi phạm quy định pháp luật về an toàn thực phẩm. Do đó, nguyên đơn đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm:

+ Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, việc kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và là kháng cáo hợp lệ.

+ Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đảm bảo theo quy định tại Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã chuyển hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo:

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Thương mại năm 2005; Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Đ do người đại diện hợp pháp của công ty ký, nộp trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ về hình thức. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH V2 khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH Đ thanh toán số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23 ký ngày 09/5/2023 liên quan đến việc thực hiện dịch vụ logistics, vận chuyển, lưu kho và các chi phí phát sinh đối với các lô hàng nhập khẩu của bị đơn. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán chi phí dịch vụ và việc xử lý hàng hóa lưu kho giữa các bên. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”* thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là Công ty TNHH Đ có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Lầu C, tòa nhà S, số G N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, tại Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23 ngày 09/5/2023, các bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 02 – Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo loại việc và theo lãnh thổ.

- Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

1. Xét hiệu lực của Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23 ngày 09/5/2023 và yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử thấy:

Công ty TNHH V2 và Công ty TNHH Đ ký kết Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23 ngày 09/5/2023 trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, các bên đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Quá trình giải quyết vụ án, các bên không tranh chấp về tính hợp pháp, hiệu lực của Hợp đồng. Do đó, có căn cứ xác định Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23 ngày 09/5/2023 có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định tại **Điều**

385, Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 3, Điều 233 Luật Thương mại năm 2005.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bên đều xác nhận, Bách V1 đã hoàn thành việc vận chuyển, lưu kho và thực hiện dịch vụ logistics đối với 02 lô hàng sữa công thức nhập khẩu mang nhãn hiệu “FRANCE BEBE BIO 1,2,3” cho Trường B. Đối với lô hàng thứ nhất, Trường B chưa thanh toán công nợ là 87.760.070 đồng. Đối với lô hàng thứ hai, Bách V1 đã đưa hàng về lưu kho, nhưng Trường B không thực hiện nghĩa vụ nhận hàng và thanh toán, số tiền công nợ còn lại là 352.100.645 đồng. Tổng số tiền công nợ của 02 lô hàng là 439.860.715 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, T2 Bảo Land không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản công nợ nêu trên.

Bị đơn kháng cáo cho rằng Công ty V2 chiếm giữ trái pháp luật lô hàng thứ hai và tự ý thanh lý tài sản nên phải bồi thường giá trị lô hàng là 797.270.006 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Tại Điều 3 Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23 ngày 09/5/2023, các bên thỏa thuận: *“Bên B không chịu trách nhiệm về việc thực thi không đầy đủ các nghĩa vụ của mình và/hoặc được quyền cầm giữ, định đoạt toàn bộ hàng hóa nếu bên A không thanh toán, thanh toán không đầy đủ và đúng hạn. Thời hạn thanh toán là 30 ngày tính từ ngày bên B phát hành hóa đơn”*. Như vậy, các bên đã có thỏa thuận rõ ràng về quyền cầm giữ và quyền định đoạt hàng hóa của Bách V1 trong trường hợp Trường B vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngoài ra, tại Công văn số 121/BVS-TBL ngày 24/01/2024, Trường B tiếp tục xác nhận: *“Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Bách V1 lấy hàng ra khỏi cảng mà Trường B không tiến hành thanh toán toàn bộ chi phí và lấy hàng thì Trường B để Bách Việt bán phát mại tài sản với giá trị bán do Bách V1 tự ấn định để xử lý, khấu trừ các chi phí phát sinh liên quan đến hai lô hàng trên”*. Điều này cho thấy, bị đơn không chỉ thừa nhận nghĩa vụ thanh toán mà còn đồng ý để nguyên đơn được quyền xử lý hàng hóa nhằm thu hồi công nợ và các chi phí phát sinh trong trường hợp bị đơn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 07/3/2024, nguyên đơn tiếp tục có Công văn số 0703/2024/CV/BVS-TBL gửi Công ty Đ, với nội dung: *Đối với lô hàng mã vận đơn 000-03046483 đã được Bách V1 vận chuyển về lưu kho...vào ngày 3/2/2024...Vì vậy, bằng công văn này đề nghị Trường Bảo Land thanh toán công nợ và tiến hành lấy hàng trước ngày 19/3/2024. Nếu đến thời hạn trên mà Trường B không thanh toán tiền và tiến hành lấy hàng thì Bách V1 sẽ tiến hành bán phát mại đấu giá tài sản với giá bán khởi điểm do Bách Việt ấn định để khấu trừ công nợ*. Bị đơn xác nhận đã nhận được văn bản này nhưng không thực hiện thanh toán, không nhận hàng và cũng không có văn bản phản đối việc xử lý hàng hóa.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, trước khi thực hiện xử lý hàng hóa, Bách V1 đã thông báo cho Trường B về tình trạng công nợ; yêu cầu thanh toán và nhận hàng; gia hạn thời gian thực hiện nghĩa vụ đồng thời thông báo rõ hậu quả pháp lý

nếu Trường B tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặt khác, sửa công thức là mặt hàng thực phẩm dành cho trẻ em, có thời hạn sử dụng ngắn, giá trị hàng hóa phụ thuộc lớn vào thời hạn sử dụng còn lại. Tại thời điểm Bách Việt bắt đầu xử lý hàng hóa từ tháng 7/2024, lô hàng đã bị lưu kho kéo dài nhiều tháng do Trường B không nhận hàng, dẫn đến thời hạn sử dụng giảm đáng kể, nguy cơ tiếp tục mất giá trị thương mại và phát sinh thêm chi phí lưu kho, bảo quản, tiêu hủy. Quá trình bán hàng được thực hiện thành nhiều đợt từ ngày 18/7/2024 đến ngày 24/12/2024 với giá bán giảm dần theo thời gian nhằm phù hợp với khả năng tiêu thụ thực tế của thị trường và tình trạng hàng hóa tại thời điểm xử lý.

Việc Công ty V2 thực hiện xử lý hàng hóa trong trường hợp này không phải là hành vi chiếm giữ, định đoạt trái pháp luật tài sản của Trường B mà là biện pháp xử lý tài sản phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng, phù hợp với nội dung cam kết tại Công văn ngày 24/01/2024 và nhằm hạn chế thiệt hại phát sinh cho cả hai bên khi Trường B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ nhận hàng.

Bị đơn cho rằng Bách Việt bán hàng hóa với giá thấp, gây thiệt hại cho bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giá thị trường thực tế của lô hàng tại thời điểm xử lý hoặc có đơn vị, cá nhân đồng ý mua với mức giá cao hơn hoặc Bách V1 có hành vi trục lợi, chiếm đoạt khoản tiền thu được từ việc bán hàng hóa. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giao nộp một số tài liệu thể hiện giá bán sản phẩm cùng loại trên một số trang thương mại điện tử cao hơn giá Bách V1 đã bán thanh lý. Hội đồng xét xử thấy, các tài liệu này chỉ phản ánh mức giá niêm yết của một số tổ chức, cá nhân kinh doanh, không thể hiện thời điểm giao dịch, số lượng hàng hóa đã tiêu thụ, điều kiện bán, cũng như không chứng minh được toàn bộ lô hàng tranh chấp có thể được tiêu thụ với mức giá đó trong khoảng thời gian từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của Trường Bảo L cho rằng Bách V có hành vi chiếm hữu, định đoạt tài sản trái pháp luật, bán hàng hóa với giá trị thấp gây thiệt hại cho Trường B.

Đối với nội dung kháng cáo của Trường Bảo L cho rằng: Công ty V2 vi phạm quy định pháp luật chuyên ngành về an toàn thực phẩm, Hội đồng xét xử thấy, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dịch vụ, tranh chấp nghĩa vụ thanh toán và xử lý hàng hóa phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng giữa các bên. Mặt khác, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện Bách Việt vi phạm quy định về an toàn thực phẩm hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm liên quan đến việc bán hàng hóa nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở.

Về số tiền thu được từ việc bán hàng hóa, quá trình giải quyết vụ án thể hiện có sự chênh lệch giữa số tiền 185.310.000 đồng và 191.310.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và tài liệu giải trình bổ sung, Công ty V2 xác nhận tổng số tiền thực tế thu được từ việc bán thanh lý toàn bộ lô hàng là 191.310.000 đồng, số tiền này đã được đối trừ vào nghĩa vụ thanh toán công nợ của Trường B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền công nợ còn lại là 248.550.715 đồng và buộc Trường B phải thanh toán cho Bách Việt số tiền nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả:

Tại Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BVS-TBL/01/23 ngày 09/5/2023, các bên không có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất chậm thanh toán. Do đó, việc xác định lãi chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng...thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu về mức lãi suất nợ quá hạn của một số ngân hàng thương mại gồm: Ngân hàng N; Ngân hàng TMCP C, Ngân hàng TMCP Đ1. Kết quả thu thập tài liệu thể hiện, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh tại các ngân hàng thương mại phổ biến dao động từ khoảng 9,5%/năm trở lên. Trong khi đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức 9%/năm, thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại cùng thời điểm, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất 9%/năm để tính lãi chậm thanh toán là phù hợp quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và có lợi cho bị đơn.

Đối với thời điểm tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm bắt đầu tính lãi đối với các khoản công nợ tương ứng với thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán và thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với nội dung Hợp đồng, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bản án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn với tổng số tiền 52.307.939 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

3. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bị đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty V2 phải bồi thường thiệt hại số tiền 357.409.291 đồng do có hành vi chiếm giữ và thanh lý hàng hóa trái pháp luật. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, việc Trường B chậm thanh toán, không nhận hàng trong thời gian dài là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc hàng hóa phải lưu kho kéo dài, giảm giá trị thương mại và phát sinh thêm chi phí bảo quản, lưu kho. Việc Bách Việt thực hiện xử lý hàng hóa được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng và phù hợp với nội dung cam kết tại Công văn ngày 24/01/2024 của chính bị đơn.

Mặt khác, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Bách V1 có hành vi chiếm hữu, định đoạt tài sản trái pháp luật hoặc thiệt hại thực tế phát sinh tương ứng với số tiền yêu cầu bồi thường. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng, bản án sơ thẩm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử

thấy: Bản án sơ thẩm được ban hành trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đánh giá đúng bản chất quan hệ tranh chấp, đúng quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng đã ký kết. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xuất phát từ việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nghĩa vụ nhận hàng theo thỏa thuận, nên không có căn cứ xác định quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bị xâm phạm như nội dung kháng cáo.

Từ những phân tích nêu trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH Đ, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 233; **Điều 385; Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015**; Điều 235; Điều 236; Điều 239; Điều 240; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH Đ. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 153/2025/KDTM – ST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội, cụ thể như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V2 đối với Công ty TNHH Đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH V2 bồi thường thiệt hại số tiền 357.409.291 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty TNHH V2 các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc: 248.550.715 đồng.

- Tiền lãi chậm trả: 52.307.939 đồng.

Tổng cộng 300.858.654 (Ba trăm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đ phải nộp 32.913.398 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, đã nộp số tiền 8.450.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3699 ngày 07/8/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Hà Nội. Công ty TNHH Đ còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 24.463.398 đồng.

- Công ty TNHH V2 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 10.880.000 đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí số 2925764 ngày 13/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Hà Nội).

5. Về án phí phúc thẩm :

Công ty TNHH Đ phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000127 ngày 06/01/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND khu vực 2 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 2 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh